VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT LAM KINH VÀ ĐỀN BÀ TRIỆU

NGUYỄN THỊ THANH NGA
Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Nhận bài ngày 09/3/2025. Sửa chữa xong 12/3/2025. Duyệt đăng 16/3/2025.

Abstract

The article focuses on identifying the direct and indirect stakeholders involved in the management of national special relics in general and at the Lam Kinh and Ba Trieu temple sites. The article clarifies the current coordination situation among stakeholders and proposes solutions to improve stakeholder cooperation efficiency in managing national special relics.

Keywords: *Stakeholders, national special relics, Lam Kinh, Ba Trieu.*

1. Giới thiệu

Các bên liên quan trong quản lý di tích Quốc gia đặc biệt (QGĐB) thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo phân cấp do nhà nước quy định. Ở Trung ương, Chính phủ là cơ quan cao nhất, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xếp hạng di tích QGĐB và quyết định việc đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) xem xét đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào danh mục di sản thế giới. Dưới Thủ tướng Chính phủ là Bộ VHTT&DL và các Bộ, cơ quan ngang bộ khác chịu trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn, thẩm định các dự án bảo tồn, tôn tạo,...đối với di tích QGĐB. Hội đồng di sản quốc gia đóng vai trò tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ khi thẩm định đối với các di tích QGĐB.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Các nội dung về quản lý di sản đã được tác giả Đặng Văn Bài trình bày trong bài viết Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa [3] bao gồm: Quản lý nhà nước (QLNN) bằng văn bản pháp quy (bao gồm các văn bản về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa (DSVH); quyết định phân cấp quản lý, về cơ chế, tổ chức quy hoạch và kế hoạch phát triển;... Việc phân cấp quản lý di tích, hệ thống tổ chức và đầu tư ngân sách cho các cơ quan quản lý di tích là yếu tố có vai trò quyết định hiệu quả quản lý. Cùng quan điểm đó, tác giả Bùi Hoài Sơn (2009) cũng đã nhấn mạnh đến vai trò của nhà nước trong quản lý di sản trong sách *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt* [9]. Việc tổ chức, quản lý một DSVH phi vật thể như lễ hội truyền thống, ngoài việc xây dựng chương trình, bố trí nguồn nhân lực, tìm kiếm nguồn tài trợ thì còn phải có các nội dung kế hoạch về công tác an ninh, hậu cần, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm. Do vậy, phải có sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền Trung ương và các cấp, các ngành trong việc quản lý DSVH. Tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo đã có bài viết *Quản lý Nhà nước đối với các di tích quốc gia đặc biệt* [7]. Tác giả đã nhấn mạnh các di tích QGĐB luôn là nội lực mang sức mạnh vật chất to lớn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Theo số liệu thống kê đến tháng 12/2015, Việt Nam hiện có 72 di tích được xếp hạng là di tích QGĐB. Có nhiều văn bản của Nhà nước và ngành quy định về công tác quản lý các di tích QGĐB nhưng trên thực tế, tại mỗi tỉnh, thành lại có những hình thức tổ chức quản lý khác nhau để phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trong nội dung bài viết, tác giả cũng đã đưa ra các khuyến cáo: hiện nay mỗi địa phương đều có cơ chế và bộ máy quản

Email: thanhngavhtt2012@gmail.com

lý khác nhau đối với các di tích QGĐB tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế thì các đơn vị quản lý cần chú trọng đến các công tác bảo vệ và phát huy được các giá trị của di tích;sự gắn kết với cộng đồng địa phương và đưa ra các giải pháp nâng cao nguồn lực quản lý di tích; thực hiện nghiêm túc việc quản lý các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; các công tác tổ chức hoạt động lễ hội gắn với di tích và đặc biệt là công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo tại các di tích. Trong đó, việc tự ý tu bổ, tôn tạo bằng các vật liệu xây dựng hiện đại đã khiến cho các di tích mất đi vẻ trầm mặc, uy nghiêm vốn có của di tích [7, tr.23].

Quyển sách *Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập* [6] là công trình nghiên cứu tập hợp 37 bài viết về thực trạng công tác quản lý, bảo tồn và phát huy DSVH ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Được quy thành bốn nội dung chính như sau: di sản và công tác quản lý, bảo tàng và di tích trong hội nhập và phát triển, DSVH và phát triển du lịch, DSVH nhìn từ công tác bảo tồn và phát huy giá trị.

Trong đó, tác giả Nguyễn Thị Thu Trang có bài viết *Quản lý nhà nước về di sản văn hóa và vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong thời kỳ hội nhập* [6] đã cho rằng: QLNN về DSVH có thể hiểu là quản lý hoạt động bảo tồn DSVH, trước hết, để giữ gìn lâu dài các giá trị văn hóa tiêu biểu của đất nước hiện đang tích hợp/vật chất hóa trong các DSVH với tư cách là nguồn thông tin khoa học chân thực, có khả năng cung cấp tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm sống, bài học lịch sử có ích cho xã hội. Bên cạnh đó, quản lý hoạt động bảo tồn DSVH còn phục vụ mục tiêu giáo dục, hình thành các nhân cách văn hóa và xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, là những nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững.

Trong bài viết *Cộng đồng chủ thể của hoạt động lễ hội* [4], tác giả Từ Thị Loan (2010) đã nghiên cứu về Hội Gióng Phù Đổng xưa và nay và bài học từ việc phục hồi lễ hội Lam Kinh, từ đó, tác giả rút ra kết luận: lễ hội cổ truyền là nơi giúp cho các cộng đồng lưu giữ, kế thừa và phát huy một cách tốt nhất các giá trị văn hóa truyền thống của mình. Khi người dân còn quan tâm đến lễ hội cổ truyền, nghĩa là họ còn quan tâm đến việc giữ gìn văn hóa truyền thống của làng mình, cộng đồng mình, dân tộc mình. Và đó là nhân tố rất quan trọng để góp phần bảo tồn và củng cố bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong việc phục dựng các lễ hội cổ truyền, cần sự hướng dẫn, tư vấn của các nhà chuyên môn, các nhà nghiên cứu văn hóa. Tuy nhiên, sự dẫn dắt này phải chuẩn xác, đầy trách nhiệm và lương tâm, trên cơ sở tôn trọng các giá trị văn hóa và tâm thức của người dân địa phương. Không nên áp dụng một mô hình phục dựng cho tất cả các loại lễ hội, cho tất cả các địa phương. Cộng đồng sẽ là người quyết định lễ hội của họ nên như thế nào và phải xuất phát từ nhu cầu đích thực của họ. Từ đó, các giả cũng khuyến nghị: nên trao trả vai trò tự quản lễ hội cho cộng đồng. Nhà nước chỉ làm công tác quản lý về mặt hành chính, pháp luật, còn việc quản lý nhân lực, vật lực, tài lực thì nên để cộng đồng tự quản. Có như vậy mới khuyến khích được tinh thần tự chủ, sáng tạo của cộng đồng.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Khảo sát nghiên cứu tại các điểm di tích, các cơ quan quản lý di tích để thu thập thông tin, số liệu các báo cáo của tổ chức quản lý, các đề án, dự án thực hiện... Từ việc nghiên cứu khảo sát thực tế tại đền Bà Triệu và di tích Lam Kinh, các số liệu sẽ được ghi chép chi tiết, cụ thể và tường minh sẽ được thiết lập, làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá, nhận định các vấn đề khoa học đặt ra.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study): Là phương pháp nghiên cứu về một bối cảnh hoặc nhiều bối cảnh cụ thể. Trong đó, nhà nghiên cứu có thể nghiên cứu cả dữ liệu định tính hoặc định lượng để nhận thức đầy đủ được hiện tượng hoặc vấn đề nghiên cứu. Sử dụng nghiên cứu trường hợp cho phép khám phá bản chất sự hợp tác và phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích.

Phương pháp phỏng vấn sâu, điều tra xã hội học: Tác giả đã sử dụng cách tiếp cận của xã hội học văn hóa với các phương pháp cụ thể để thu thập được nhiều nguồn thông tin nhằm làm sáng tỏ các vấn đề cần nghiên cứu. Trực tiếp phỏng vấn sâu và ghi âm với khách thể là các nhà quản lý, người trực tiếp làm việc tại di tích...

Phương pháp so sánh: Phương pháp này được sử dụng để so sánh sự tương đồng và khác nhau trong các mô hình quản lý tại đền Bà Triệu và Lam Kinh nói riêng và các di tích quốc gia đặc biệt ở Thanh Hóa nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu để phát huy/khắc phục trong tổ chức bộ máy quản lý một cách hợp lý và có hiệu quả.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các bên liên quan quản lý gián tiếp trong quản lý khu di tích Bà Triệu và khu di tích Lam Kinh

Ở Thanh Hóa, UBND tỉnh là cơ quan trực tiếp quản lý cấp cao nhất của di tích QGĐB ở cấp tỉnh. Điều này cũng được quy định cụ thể tại Quyết định số 2060/2013/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập (sáp nhập, giải thể, chia tách, tổ chức lại) các tổ chức sự nghiệp quản lý di tích và quy định tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế theo quy định của pháp luật. Tổ chức sự nghiệp quản lý di tích là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động.

UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định số 42/2019/QĐ- UBND ngày 23/12/2019, về việc bãi bỏ quyết định số 2060/2013/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay việc quản lý các DSVH được thực hiện theo Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 23/8/2021 về việc Tăng cường công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trong QLNN tại tỉnh Thanh Hóa, Sở VHTT&DL là cơ quan quản lý di tích cấp tỉnh/thành phố, là đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý DSVH nói chung và quản lý di tích lịch sử văn hóa nói riêng theo sự phân công của UBND tỉnh. Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức biên chế và hoạt động của cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ VHTT&DL.

Quyết định số 1812/QĐ-CT ngày 04 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân công chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý Nhà nước về lĩnh vực văn hóa- thông tin trên địa bàn tỉnh đã xác định: Sở Văn hóa Thông tin là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng QLNN trên địa bàn tỉnh về DSVH, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản, quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật...

Quyết định số 19/2022/QĐ - UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá cũng chỉ rõ: Sở VHTT&DL "là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng QLNN trên địa bàn về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh".

Sở VHTT&DL thành lập phòng Quản lý DSVH có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở thực hiện QLNN về DSVH bao gồm DSVH vật thể, DSVH phi vật thể trong phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Phòng Quản lý di sản thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể về quản lý di sản trên địa bàn tỉnh như là giúp giám đốc Sở VHTT&DL xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các văn bản QLNN về DSVH, xây dựng chương trình, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, năm và các đề án, dự án về công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên địa bàn tỉnh trình giám đốc sở quyết định theo thẩm quyền.

4.2. Các bên liên quan quản lý gián tiếp trong quản lý khu di tích Bà Triệu và khu di tích Lam Kinh

Để tăng cường hiệu quả công tác quản lý các di tích lịch sử văn hóa, UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 581/QĐ-UBND, ngày 12/2/2015 về việc đổi tên Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Thanh Hóa thành Trung tâm Bảo tồn DSVH Thanh Hóa. Theo Quyết định này, Trung tâm bảo tồn DSVH Thanh Hoá có chức năng giúp Sở VHTT&DL tổ chức quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phục hồi, khai thác, sử dụng và phát huy các giá trị các DSVH, thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

Ngày 02/6/2022, theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND, UBND tỉnh Thanh Hóa thành lập Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn di sản Thanh Hóa trên cơ sở sáp nhập Ban nghiên cứu và Biên soạn lịch sử

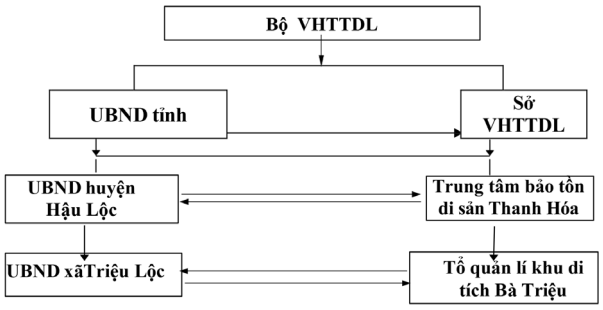
và Trung tâm bảo tồn Di sản văn hóa. Theo đó Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa có chức năng giúp Sở VHTTDL phục vụ công tác QLNN về tổ chức quản lý, bảo tồn, phục hồi, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị của DSVH, di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu lịch sử và Danh nhân Thanh Hóa qua các thời kỳ; các công trình về lịch sử, văn hóa, những đóng góp của nhân dân Thanh Hóa trong quá trình đấu tranh dựng nước, giành độc lập giải phóng dân tộc.

Hiện nay, các di tích QGĐB trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đều được quản lý trực tiếp bởi một đơn vị trực thuộc Sở VHTTDL tỉnh Thanh Hóa hoặc một đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp huyện, thậm chí có di tích được quản lý đồng thời bởi cả hai cơ quan nêu trên.

Cụ thể: Di tích khảo cổ Hang Con Moong và các di tích phụ cận do Ban quản lý di tích Chiến khu Ngọc Trạo, thuộc Trung tâm văn hóa huyện Thạch Thành quản lý; Di tích kiến trúc - nghệ thuật Đền thờ Lê Hoàn được quản lý bởi Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Thọ Xuân; Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Sầm Sơn do Trung tâm văn hóa Thành phố Sầm Sơn quản lý; Di tích lịch sử và kiến trúc - nghệ thuật Thành Nhà Hồ do Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ, trực thuộc Sở VHTTDL tỉnh Thanh Hóa quản lý...

*Đối với Khu di tích Bà Triệu***:** từ năm 2014 đến tháng 03/2017, thuộc trách nhiệm quản lý của UBND huyện Hậu Lộc. Quản lý trực tiếp tại di tích có Tổ quản lý di tích đền Bà Triệu thuộc Phòng Văn hóa - Thông tin huyện, cơ bản vẫn hoạt động theo nguồn nhân lực đã có trước đó.

Từ năm 2017 đến nay, quyền quản lý khu di tích được giao về cho Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thanh Hóa (sau là Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn di sản Thanh Hóa) và Trung tâm trực tiếp điều hành theo quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công tác bàn giao đảm bảo nguyên trạng, bao gồm: toàn bộ tài chính, tài sản, tổ chức nhân sự, đất đai, hồ sơ kiểm kê của Hội đồng kiểm kê liên ngành ngày 20/3/2017.



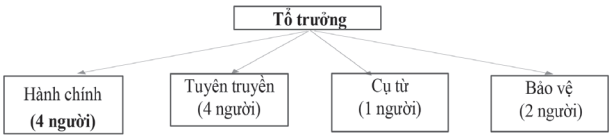
Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy quản lý di tích Bà Triệu (Nguồn: Tác giả)

Chú thích: ⟷ Quan hệ phối hợp ⟶ Quan hệ chỉ đạo

Tuy nhiên, trên thực tế, khu đền chính do Trung tâm Bảo tồn DSVH Thanh Hóa quản lý trực tiếp, còn lại các di tích liên quan như đình làng Phú Điền, miếu Đệ Tứ, khu lăng mộ Bà Triệu, mộ ba ông tướng họ Lý, Miếu Bàn thể vẫn thuộc quản lý của UBND xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc.

Về cơ cấu tổ chức của Tổ quản lý trực tiếp tại Khu di tích Bà Triệu hiện nay có tổng số 12 cán bộ, nhân viên, trong đó có 50% cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng; phần còn lại đều chưa được đào tạo chuyên ngành hoặc chỉ mới được đào tạo sơ cấp, trung cấp. Số cán bộ có trình độ đại học tập trung chủ yếu vào khối cán bộ quản lý, làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ quản lý di tích, với số lượng nhân sự như vậy được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau (sơ đồ 2).

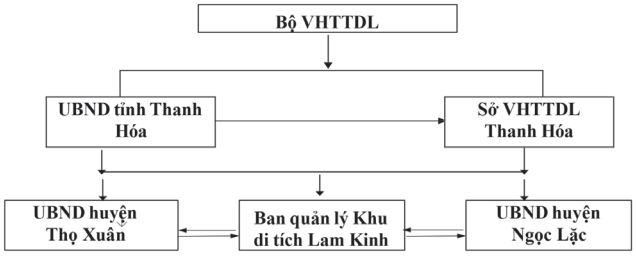


Sơ đồ 2: Tổ chức của Tổ quản lý di tích Bà Triệu (Nguồn: Tác giả)

Hiện nay, tại các di tích do UBND xã Triệu Lộc quản lý, đình làng được sử dụng trong các sinh hoạt

chung của cộng đồng. Ở đây, dân làng phân công có người giữ chìa khóa, quét dọn và hương khói tại đình làng cũng như tại các di tích miếu Đệ Tứ, khu lăng mộ Bà Triệu, mộ ba ông tướng họ Lý, Miếu Bàn thề. Tại các di tích này, chưa có biên chế chuyên trách, không có thuyết minh viên, vì vậy, khi du khách có nhu cầu tham quan, tìm hiểu các di tích này việc kết nối còn gặp nhiều khó khăn, chưa nhanh chóng và thuận tiện.

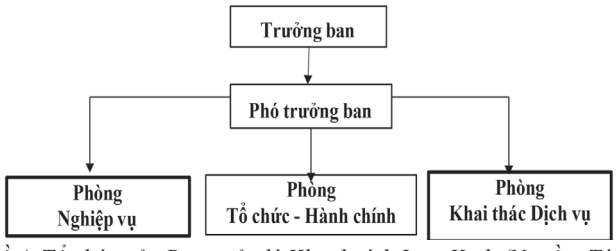
Đối với Khu di tích Lam Kinh: kể từ khi được xếp hạng di tích quốc gia năm 1962 đến năm 2009 đã kinh qua nhiều lần thay đổi đơn vị quản lý trực tiếp. Từ năm 1962 đến năm 1983, do Phòng bảo tàng thuộc Ty Văn hóa - Thông tin tỉnh Thanh Hóa trực tiếp quản lý; giai đoạn 1983 - 1994 do Bảo tàng tỉnh quản lý; năm 1994, do Ban quản lý công trình xây dựng và bảo vệ khu di tích lịch sử Lam Kinh, trực thuộc Sở VH-TT tỉnh Thanh Hóa trực tiếp quản lý (sau đó, Ban được đổi tên thành Ban quản lý di tích lịch sử Lam Kinh). Năm 2001, Ban quản lý di tích lịch sử Lam Kinh được nâng cấp, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, chỉ hai năm sau (năm 2003), Ban này lại giải thể và Khu di tích Lam Kinh được Ban quản lý di tích và danh thắng Thanh Hóa, trực thuộc Sở VH-TT tỉnh Thanh Hóa quản lý. Ngày 20/10/2009, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 3728/QĐ - UBND về việc thành lập Ban quản lý di tích lịch sử Lam Kinh, trực thuộc Sở VHTT&DL tỉnh Thanh Hóa.



Sơ đồ 3. Tổ chức bộ máy quản lý di tích Lam Kinh (Nguồn tác giả)

Chú thích: ⇄ Quan hệ phối hợp ⟶ Quan hệ chỉ đạo

Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 20/10/2009 đã chỉ rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu di tích Lam Kinh như sau: Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể liên quan đến triều đại Hậu Lê tại khu di tích Lam Kinh; tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phục hồi rừng trong khu di tích Lam Kinh; xây dựng phương án quản lý, bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường khu di tích; tổ chức tuyên truyền, quảng bá và khai thác dịch vụ phục vụ khách du lịch, quản lý, sử dụng các nguồn thu đảm bảo đúng quy định của pháp luật; kêu gọi các nguồn vốn đầu tư xây dựng và tu bổ, tôn tạo, phục hồi, nhằm phát triển khu di tích lịch sử Lam Kinh trở thành trung tâm văn hóa, du lịch lớn của tỉnh, xứng đáng với vị thế của di tích trọng điểm quốc gia; Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao. Hiện nay, tổng số cán bộ viên chức lao động của Ban quản lý khu di tích lịch sử Lam Kinh là 41 người, gồm: 01 Trưởng Ban, 01 Phó trưởng ban và 39 nhân viên, trong đó biên chế và quỹ lương hợp đồng có quỹ lương hưởng từ ngân sách nhà nước cấp là 12 người còn lại là hợp đồng do cơ quan tự cân đối ngân sách và nguồn thu chi để trả lương và các khoản chế độ (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ngoài giờ, lễ tết…). Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ công chức - người lao động của Ban quản lý di tích Lam Kinh gồm có: 01 thạc sĩ, 21 cử nhân đại học, 02 cao đẳng, 03 trung cấp, còn lại là lao động phổ thông. Với nguồn nhân lực nêu trên, cơ cấu tổ chức của Ban quản lý di tích Lam Kinh như sau:



Sơ đồ 4. Tổ chức của Ban quản lý Khu di tích Lam Kinh (Nguồn: Tác giả)

Như vậy, về mô hình quản lý các khu di tích QGĐB ở Thanh Hóa nói riêng và nước ta nói chung về cơ bản chưa có sự thống nhất. Việc phân cấp quản lý và tên gọi các đơn vị quản lý không đồng nhất, có nơi gọi là Trung tâm quản lý, Trung tâm Bảo tồn, có nơi gọi là Ban Quản lý, có đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện, có đơn vị trực thuộc Sở VH,TT&DL…Việc thiếu sự đồng nhất như nêu trên sẽ gây khó khăn cho việc ban hành những cơ chế, chính sách quản lý chung đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân gây nên những hạn chế của công tác quản lý các di tích QGĐB trên toàn quốc trong bối cảnh hiện nay. Thêm vào đó, có những khu di tích, các điểm di tích bộ phận lại thuộc cơ quan khác nhau quản lý:Bên cạnh cơ quan nhà nước, việc quản lý di tích còn chịu sự giám sát/tham gia của cộng đồng. Các nhân tố trên sẽ tác động đồng thời đến quá trình quản lý các di tích QGĐB tại Thanh Hóa.

5. Thảo luận

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện vai trò phối hợp với Sở VHTT&DL trong công tác quản lý di tích và thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo di tích QGĐB. Trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích QGDB, Sở VHTT&DL đóng vai trò là cơ quan chủ trì, xây dựng kế hoạch, dự án, đề án,... các sở ban, ngành đóng vai trò phối hợp.

Trong đó, Sở Kế hoạch Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định các dự án đầu tư và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện quy chế đấu thầu và quản lý hoạt động đấu thầu. Đồng thời phối hợp quản lý nhà nước việc lập, kiểm tra, xét duyệt thực hiện các dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành VHTT&DL.

Sở Xây dựng thực hiện chức năng phối hợp QLNN về xây dựng nói chung và tu bổ, tôn tạo di tích nói riêng trong từng nhiệm vụ cụ thể, thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích để cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở Tài chính - Kế hoạch phối hợp trong việc phân bố kế hoạch cấp phát vốn đầu tư cho các dự án sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích, DSVH trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên - Môi trường phối hợp trong công tác đo đạc, lập hồ sơ hiện trạng, khoanh vùng bảo vệ di tích…

UBND các huyện, thị, thành phố thực hiện chức năng QLNN theo phân cấp, phân quyền. Tại các huyện Hậu Lộc, Thọ Xuân và Ngọc Lặc, nơi có khu di tích Bà Triệu và khu di tích Lam Kinh, UBND huyện đã thực hiện phối hợp với Sở VHTT&DL thực hiện công tác bảo vệ di tích, tổ chức lễ hội, phát huy giá trị của di tích.

Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia quản lý các khu di tích QGĐB bao gồm cơ chế quản lý theo "mệnh lệnh hành chính" và cơ chế quản lý theo nguyên tắc bình đẳng "tương hỗ" lẫn nhau. Quản lý trực tiếp phối hợp theo cơ chế "thực thi mệnh lệnh hành chính" nghĩa là thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật mà UBND tỉnh ban hành để tác động lên đối tượng quản lý thuộc quyền nhằm đạt được mục đích trong quản lý là bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Cơ chế phối hợp theo nguyên tắc binh đẳng "tương hỗ" lẫn nhau giữa các cơ quan ngang cấp thực hiện chức năng, nhiệm vụ riêng của mình nhằm cùng thực thi công tác quản lý di tích hướng tới một mục đích chung trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

6. Kết luận

Qua việc phân tích rõ hơn các chủ thể tham gia trực tiếp, gián tiếp, tham gia với vai trò phối hợp vào quá trình quản lý các Khu di tích Bà Triệu và Lam Kinh để phân tích thực trạng các mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý các di tích này, đánh giá các ưu điểm và hạn chế làm cơ sở đề ra các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý di tích.

Như vậy, có thể thấy mối quan hệ giữa QLNN và cộng đồng được thực hiện hài hòa dựa trên cơ sở hệ thống luật pháp và được thể chế hóa. Nhà nước luôn đóng vai trò chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, tham vấn, giải trình còn cộng đồng có vai trò tham gia phối hợp, giám sát trong quá trình quản lý di tích. Vì vậy, cần có các chính sách tạo nên sự liên kết, đồng bộ, thống nhất giữa các các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, cộng đồng trên tinh thần khoa học, nhân văn, khai thác phát huy giá trị, khai thác phát triển du lịch tại các khu di tích QGĐB.

Qua việc đánh giá cụ thể về hiệu quả mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý di tích QGĐB tại Thanh Hoá, tiêu biểu tại 2 di tích Bà Triệu và Lam Kinh. Tất cả những ưu điểm và hạn chế trong mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý di tích QGĐB chính là cơ sở để chúng tôi đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò và mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý các khu di tích quốc gia đặc biệt Bà Triệu và Lam Kinh trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

[1] *Báo cáo hoạt động của Khu di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Bà Triệu từ năm 2010 đến năm 2020,* tài liệu lưu tại Trung tâm bảo tồn di sản văn hóa Thanh Hóa.

[2] Báo cáo hoạt động của Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh từ năm 2010 đến năm 2020, tài liệu lưu tại Khu di tích Lam Kinh.

[3]. Đặng Văn Bài (2001), *Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 4, tr. 11-13.

[4] Từ Thị Loan (2010), *Cộng đồng, chủ thể của hoạt động lễ hội*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 293, tháng 11, tr. 22-24, 29.

[5] Uông Chu Lưu (2005), *Một số vấn đề lý luận về phân cấp quản lý Nhà nước*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề 60 năm ngành Tư pháp.

[6] Nhiều tác giả (2017), *Quản lí và khai thác di sản văn hoá trong thời kì hội nhập*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[7] Nguyễn Thị Phương Thảo (2016), *Quản lý nhà nước đối với các di tích quốc gia đặc biệt,* Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 388, tháng 10, tr. 21-23.

[8] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (2024), *Báo cáo đề án đổi mới công tác quản lý và khai thác phát triển du lịch Lam Kinh - Thanh Hóa (Giai đoạn 2015-20130)*, Thanh Hóa.

[9] Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG...

Tiếp theo trang 18

3. Kết luận

Chủ nghĩa Mác do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập giữa thế kỷ XIX, được V.I. Lênin phát triển thành chủ nghĩa Mác-Lênin đầu thế kỷ XX đã trở thành nền tảng lý luận cho các cuộc cách mạng vô sản trên toàn thế giới. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, với tầm nhìn chiến lược và sự sáng tạo đã vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, lãnh đạo nhân dân ta giành độc lập dân tộc và tiến lên CNXH. Trong thế kỷ XXI, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục nuôi dưỡng ý thức độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp và con người theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh". "Tư tưởng của Mác đã làm nên lịch sử thế kỷ XX. Tư tưởng của Mác vẫn là tư tưởng của thế kỷ XXI. Nhân loại sẽ không có tương lai nếu không có tư tưởng của Mác" [10, tr. 85]. Đối với Việt Nam, việc kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đã mang lại những thành tựu to lớn. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành một quốc gia có nền kinh tế phát triển năng động, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao. Những thành tựu này là minh chứng rõ ràng cho sức sống và giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết này vào thực tiễn đất nước.

Tài liệu tham khảo

[1] *V.I. Lênin Toàn tập* (tập 26, 1980), NXB Tiến bộ, Mátxcơva.

[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 2, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 12, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 1, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 3, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] C. *Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập* (tập 4, 1995), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 8, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 103.

[10] Học viện Chính trị quân sự (2008), *Học thuyết Mác và con đường cách mạng Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.